

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../ .../ 20...

Class: GE8

Tel: 038 255 2594

GLOBAL ENGLISH 8: UNIT 12 – PEOPLE AND THEIR JOBS

VOCABULARY 1

A. VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	physiotherapist (n) /ˌfɪziəʊˈθerəpɪst/	nhà vật lý trị liệu	18	electricity (n) /ɪˌlekˈtrɪsəti/	điện, điện lực
2	physiotherapy (n) /ˌfɪziəʊˈθerəpi/	vật lý trị liệu	19*	publishing (n) /ˈpʌblɪʃɪŋ/	công việc xuất bản
3*	pharmacist (n) /ˈfɑːməsɪst/	được sĩ	20*	pharmaceutical (adj) /ˌfɑːməˈsuːtɪkl/	thuộc ngành dược
4*	instructor (n) /ɪnˈstrʌktə(r)/	người hướng dẫn	21	pharmaceutical company (n) /ˌfɑːməˈsuːtɪkl ˈkʌmpəni/	công ty dược phẩm
5*	carpenter (n) /ˈkɑːpəntə(r)/	thợ mộc	22	import (v) /ˈɪmpɔːt/	nhập khẩu
6*	plumber (n) /ˈplʌmə(r)/	thợ sửa ống nước	23	export (v) /ˈeksɔːt/	xuất khẩu
7	paramedic (n) /ˌpærəˈmedɪk/	hộ lý, nhân viên cấp cứu	24	risk + V-ing/N (v) /rɪsk/	mạo hiểm
8	car mechanic (n) /kɑː(r) məˈkænɪk/	thợ sửa xe	25	machinery (n) /məˈʃɪːnəri/	máy móc, cơ khí
9*	shop assistant (n) /ʃɒp əˈsɪstənt/	nhân viên bán hàng	26	involve (in) + V-ing/N (v) /ɪnˈvɒlv/	có liên quan đến
10*	optician (n) /ɒpˈtɪʃn/	chuyên gia nhãn khoa	27	community (n) /kəˈmjuːnəti/	cộng đồng
11	electrician (n) /ɪˌlekˈtrɪʃn/	thợ điện	28	hydrant (n) /ˈhaɪdrənt/	vòi nước, van lấy nước
12*	warden (n) = supervisor /ˈwɔːdn/ /ˈsuːpəvaɪzə(r)/	người canh gác, giám sát	29	inspection (n) /ɪnˈspekʃn/	sự kiểm tra
13	waiter (n) /ˈweɪtə(r)/	nam nhân viên bồi bàn	30	similar to (adj) /ˈsɪmələ(r)/	giống, tương tự với cái gì
14	waitress (n) /ˈweɪtrəs/	nữ nhân viên bồi bàn	31	keep up with (phr.v)	theo kịp, bắt kịp với ai/ cái gì

15	life-and-death (adj) /ˌlaɪf ən ˈdeθ/	rất quan trọng, một mất một còn	32	technology (n) /tekˈnɒlədʒi/	công nghệ
16	have own business /ˈbɪznəs/	có công việc kinh doanh riêng	33	shift (n) /ʃɪft/	ca làm việc
17	electric (adj) /ɪˈlektrɪk/	(thuộc) điện, dùng điện, sản sinh ra điện	34	take over (phr.v)	tiếp quản

Từ vựng mở rộng

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	pipe (n) /paɪp/	đường ống nước	4	examine (v) /ɪɡˈzæmɪn/	thăm khám, kiểm tra, kiểm định
2	eyesight (n) /ˈaɪsaɪt/	thị lực	5	vision (n) /ˈvɪʒn/	tầm nhìn, viễn cảnh
3	prescription (n) /prɪˈskrɪpʃn/	đơn thuốc	6	freedom (n) /ˈfriːdəm/	sự tự do

***Note:** n = noun (danh từ); adj = adjective (tính từ); v = verb (động từ);

phr.v = phrasal verb (cụm động từ)

Từ có ký hiệu * có 2 cách phát âm

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

B. HOMEWORK

***Note:** DO NOT apply short forms (contractions) in sentences.

Use “was not/ do not/ have not...” instead of “wasn’t/ don’t/ haven’t...”

I. Read the descriptions and write the job titles.

0. A **plumber** fixes your water pipes.

1. A _____ gives you medicine when you are sick.
2. A _____ serves customers, she works at coffee shops and restaurants.
3. An _____ examines people's eyes and sells glasses for people with bad eyesight.
4. An _____ connects and repairs electrical devices.
5. A _____ helps people who are sick or injured, but he or she is not a doctor or a nurse.

II. Circle the correct answers to complete the following questions.

0. Vietnamese fruits are often **imported** / ~~exported~~ to the United States.

1. You should study hard so that you can **keep up with** / **be similar to** your classmates.
2. My brother who works as a fire-fighter has to do daily training and **warden** / **inspection**.
3. It is hoped that the project will encourage members of the **community** / **publicity** to take actions.
4. We had to wait for the **pharmacist** / **pharmaceutical company** to give us a prescription.
5. Tesla is famous for selling **electric** / **electricity** cars.

III. Connect the definitions (1-5) with the corresponding words (b-f).

Definitions	Words
0. tending to only about yourself and not thinking about the feelings of other people	a. self-centered
1. a person with unusually great intelligence or skill	b. fashionable
2. pleasant and easy to like	c. genius
3. wearing clothes, doing things, and going to places that are stylish	d. intelligent
4. clever and quick at understanding	e. ambitious
5. having a strong wish to be successful, powerful, or rich	f. likeable

Answers:

0- a	1-	2-	3-	4-	5-
-------------	----	----	----	----	----

IV. Look at the pictures and guess what jobs they are.

0.



→ *carpenter*

1.



→ _____

2.



→ _____

3.



→ _____

4.



→ _____

5.



→ _____

V. Put the words and phrases in the right order.

0. is / He / such / ate / greedy / boy / , / he / all / the chocolate / a /.

→ **He is such a greedy boy, he ate all the chocolate.**

1. good / stereotypical / fits / image / of / a / the / He / student /.

→ _____

2. The phone / another / is / so / to / phone / from / the 1990s / similar /.

→ _____

3. The main character / the moment / is / decision / a / life-and-death / facing / at /.

→ _____

4. his / He / students / vision / with / a / of / freedom / inspired /.

→ _____

5. What / of / kind / organizations / will / involved / be / in / creating / these / projects / ?

→ _____

VI. Write a paragraph of 5 to 7 sentences about a job you'd like to do in the future.

FCE 2008 (1) – TEST 4 – PART 1

Con làm bài nghe tại link sau: <https://youtu.be/4lcU8Hrhr8>

Test 4

PAPER 4 LISTENING (approximately 40 minutes)

Part 1

You will hear people talking in eight different situations. For questions 1–8, choose the best answer (A, B or C).

-
- 1 You hear someone talking about women's football.
What is she doing when she speaks?
 - A encouraging young girls to support a team
 - B suggesting how to attract young girls to the sport
 - C asking young girls to take the sport seriously

 - 2 You hear a man talking on the radio about a bag made for use on walking trips.
How does this new bag differ from others?
 - A It has pockets on the side.
 - B You can take off the rain cover.
 - C There are some extra features.

 - 3 On the radio, you hear a man discussing a cartoon film about dinosaurs.
What aspect of the film disappointed him?
 - A the design of the backgrounds
 - B the quality of the sound effects
 - C the size of the dinosaurs

 - 4 You overhear a couple talking about keeping fit.
What do they agree about?
 - A the need to be more active
 - B the benefits of joining a gym
 - C the dangers of too much exercise

- 5 In a radio play, you hear a woman talking on the phone to a friend.
Where does the woman want her friend to meet her?
- A on the beach
 - B at the bank
 - C in a shop
- 6 You hear a student talking to his friend about a meeting with his tutor.
What was the student's purpose in meeting his tutor?
- A to see if there was a part-time job available
 - B to ask for financial assistance
 - C to request more time to complete coursework
- 7 You hear a man talking about learning how to paint landscapes.
What does he say about it?
- A It proved easier than he had thought.
 - B It showed him he had some talent.
 - C It opened up opportunities for him.
- 8 You turn on the radio and hear a man talking.
What is he talking about?
- A finding friendship
 - B solving problems
 - C helping others